

UNIT 9: WHAT DO WE DO ON VACATION?

Lesson 19: Numeracy

I. Nội dung buổi học:

- Học sinh hiểu về cách biểu diễn và ý nghĩa của số 100.

II. Key vocabulary:

10

Ten

(Số mười)



20

Twenty

(Số hai mươi)



30

Thirty

(Số ba mươi)



40

Forty

(Số bốn mươi)



50

Fifty

(Số năm mươi)



60

Sixty

(Số sáu mươi)



70

Seventy

(Số bảy mươi)



80

Eighty

(Số tám mươi)



90

Ninety
(Số chín mươi)

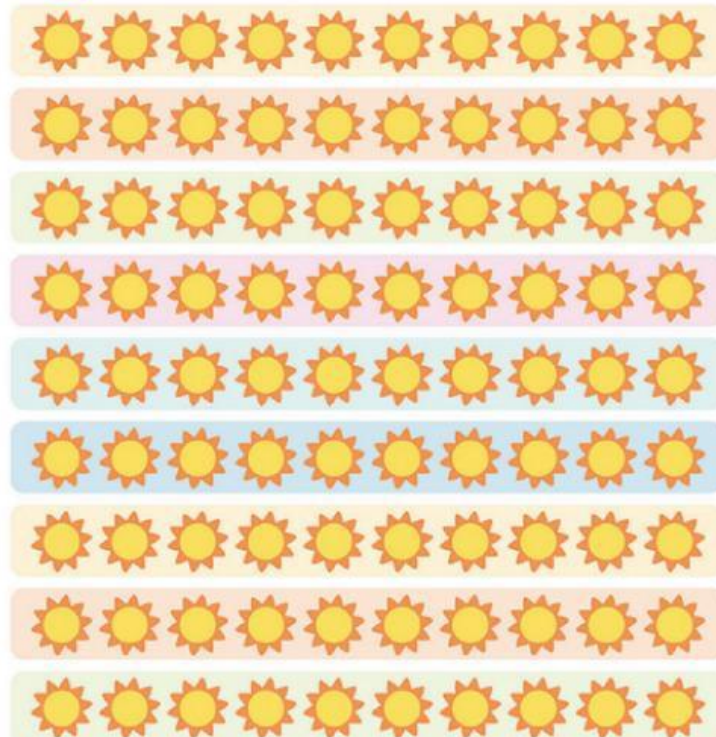


100

One hundred
(Số một trăm)



III. Key language:



**How many (suns) can you see? Let's count by tens.
Sets of ten. Ten sets of ten.**

